TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2024/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Đức L, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Học viện H, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

- Bà Phạm Thị Huyền N, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số F đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N kết hôn với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2018 ngày 01/6/2018). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông L và bà N về chung sống tại địa chỉ: Số F đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông L và bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N xác nhận có 01 con chung tên Lê Đức Tuệ K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2020. Ly hôn vợ chồng thống nhất thoả thuận bà Phạm Thị Huyền N là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đức Tuệ K. Ông Lê Đức L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng *(bảy triệu đồng/tháng)* cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 06 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2024.

Ông L và bà N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Huyền N nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Lê Đức Tuệ K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2020. Ông Lê Đức L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng *(bảy triệu đồng/tháng)* cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 06 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2024.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Huyền N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Đức L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì hàng tháng ông Lê Đức L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000745 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Đức L và bà Phạm Thị Huyền N nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
-*UBND xã Đại Hòa;*
- *Lưu hồ sơ vụ*

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang